

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019**

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	13 - 45

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần CMVIETNAM (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và các Công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần CMVIETNAM (trước đây là Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam) là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018225, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 7 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 15 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do bổ sung ngành nghề kinh doanh, đổi tên Công ty, và tăng vốn điều lệ, trong đó thay đổi lần 15 ngày 14 tháng 6 năm 2019 về việc thay đổi tên Công ty.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : 024 3 573 8555
- Fax : 024 3 856 4666

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Xây dựng và cung ứng nhân lực.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Phạm Minh Phúc	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Kim Ngọc Nhân	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Văn Phi	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Trần Văn Trung	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Lương Sơn Hùng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018

Tiểu ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lương Sơn Hùng	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 05 năm 2018
Ông Phạm Minh Phúc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 05 năm 2018
Ông Trần Minh Đức	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 05 năm 2018

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Kim Ngọc Nhân	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2008
Ông Dương Ngọc Trường	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 9 năm 2007
Ông Nguyễn Văn Phi	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 10 năm 2011
Bà Đinh Thị Thủy	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 02 năm 2014
Ông Trần Văn Trung	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2015
Ông Nguyễn Ngọc Tú	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2017

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Kim Ngọc Nhân - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2008).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CMVIETNAM**

Kim Ngọc Nhân

Ngày 12 tháng 8 năm 2019

Số: 2.0495/19/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty CMVIETNAM và các Công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 12 tháng 8 năm 2019, từ trang 06 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của kết luận ngoại trừ

Các chỉ tiêu “Phải thu ngắn hạn của khách hàng”, “Phải thu ngắn hạn khác” và “Phải trả người bán ngắn hạn” trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2019 đang theo dõi một số khoản công nợ dư lâu ngày chưa có đối chiếu xác nhận với số tiền lần lượt là 17.045.766.068 VND, 39.850.706.013 VND và 6.475.874.189 VND. (Thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 14.778.061.948 VND, 21.540.049.741 VND và 6.038.825.952 VND, Xem thêm thuyết minh V.3, V.5 và V.13).

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		344.696.505.809	368.916.729.602
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	14.059.070.000	78.842.619.070
1. Tiền	111		3.903.375.557	78.842.619.070
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.155.694.443	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		43.078.394.671	23.456.942.464
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	43.078.394.671	23.456.942.464
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		179.793.120.714	164.922.419.834
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	112.167.716.529	98.239.812.714
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	39.727.430.041	19.760.060.116
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	70.862.587.514	89.887.160.374
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(42.964.613.370)	(42.964.613.370)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		83.075.013.317	80.824.964.951
1. Hàng tồn kho	141	V.7	83.075.013.317	80.824.964.951
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		24.690.907.107	20.869.783.283
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	5.146.212.879	2.281.853.655
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		19.438.510.209	18.481.745.609
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	106.184.019	106.184.019
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		284.594.711.417	252.242.137.731
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		18.688.569.927	15.126.180.660
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	18.688.569.927	15.126.180.660
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		228.892.169.548	121.885.772.797
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	148.421.226.502	41.700.557.003
<i>Nguyên giá</i>	222		291.042.226.142	179.697.850.353
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(142.620.999.640)	(137.997.293.350)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	80.470.943.046	80.185.215.794
<i>Nguyên giá</i>	228		80.617.161.444	80.320.961.444
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(146.218.398)	(135.745.650)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	83.931.259.237
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	-	83.931.259.237
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		23.102.851.544	24.980.851.544
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	13.200.000.000	13.200.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	9.902.851.544	11.780.851.544
VI. Tài sản dài hạn khác	260		13.911.120.398	6.318.073.493
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	9.045.193.251	1.185.615.737
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		504.199.853	459.178.513
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.12	4.361.727.294	4.673.279.243
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		629.291.217.226	621.158.867.333

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		391.305.452.185	378.427.082.747
I. Nợ ngắn hạn	310		285.074.015.817	275.620.562.986
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13a	51.517.794.536	54.393.658.889
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	154.326.047.237	176.488.587.140
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	6.135.604.953	6.491.164.241
4. Phải trả người lao động	314		9.601.200.659	5.389.423.205
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	18.157.357.429	5.231.897.999
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	4.725.520.560	2.037.664.365
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	4.242.203.294	3.887.168.535
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	31.312.181.446	16.472.852.009
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	5.056.105.703	5.228.146.603
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		106.231.436.368	102.806.519.761
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.13b	9.941.726.618	6.366.688.134
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	18.808.786
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	94.473.981.036	94.823.705.731
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		1.815.728.714	1.597.317.110
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

4981
 CHI N
 QD N
 CH NHI
 M TOÁN
 A
 TẠI
 VG Đ

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		237.985.765.041	242.731.784.586
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	237.985.765.041	242.731.784.586
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		172.000.000.000	172.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		172.000.000.000	172.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(211.950.000)	(211.950.000)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.599.644.077	5.586.747.977
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.527.118.274	13.713.155.593
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		5.167.693.583	13.713.155.593
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.359.424.691	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		51.070.952.690	51.643.831.016
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		629.291.217.226	621.158.867.333

Người lập biểu



Ngô Thị Trang

Kế toán trưởng



Đinh Thị Thủy

Lập, ngày 12 tháng 8 năm 2019

Tổng Giám đốc



Kim Ngọc Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	158.796.007.137	144.079.294.838
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		158.796.007.137	144.079.294.838
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	139.858.017.788	126.355.606.581
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		18.937.989.349	17.723.688.257
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.904.523.649	1.196.372.785
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	3.246.213.349	2.935.288.099
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.863.317.674	2.187.226.627
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	1.701.518.184	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	11.776.750.038	10.231.069.518
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.118.031.427	5.753.703.425
12. Thu nhập khác	31	VI.7	7.222.851.536	202.799.625
13. Chi phí khác	32	VI.8	6.732.685.887	4.364.428.853
14. Lợi nhuận khác	40		490.165.649	(4.161.629.228)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.608.197.076	1.592.074.197
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	1.580.826.358	1.276.496.310
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		173.390.264	1.266.538.055
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.853.980.455	(950.960.168)
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		4.359.424.691	182.443.226
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(505.444.236)	(1.133.403.394)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	253	11
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	253	11

Người lập biểu

Ngô Thị Trang

Kế toán trưởng

Đinh Thị Thủy

Lập, ngày 12 tháng 8 năm 2019

Tổng Giám đốc



Kim Ngọc Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	5.608.197.076	1.592.074.197
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02 V.9,V.10	6.716.451.771	10.478.500.253
- Các khoản dự phòng	03	-	1.771.814.189
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(273.626.805)	(64.340.276)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.885.420.192)	3.361.910.349
- Chi phí lãi vay	06 VI.4	2.863.317.674	2.187.226.627
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	11.028.919.525	19.327.185.339
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(18.309.454.385)	(23.490.083.662)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(2.250.048.366)	(29.737.162.592)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(926.813.035)	(14.143.898.669)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(10.723.936.738)	1.910.059.719
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2.892.115.746)	(2.173.417.548)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15 V.15	(2.242.479.887)	(5.623.524.695)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17 V.20	(172.040.900)	(71.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(26.487.969.532)	(54.002.342.108)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(30.168.332.766)	(13.725.738.920)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	2.195.597.689	7.272.727.273
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(28.316.483.224)	(15.980.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	10.573.031.017	544.867.874
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.534.917.301	59.196.686
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(44.181.269.983)	(21.828.947.087)

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	10.000.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33 V.19	45.449.092.320	98.363.769.855
4. Tiền trả nợ gốc vay	34 V.19	(30.959.487.578)	(45.984.585.774)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36 V.21	(8.600.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	5.889.604.742	62.379.184.081
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(64.779.634.773)	(13.452.105.114)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	78.842.619.070	16.342.314.041
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(3.914.297)	11.792.202
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70 V.1	14.059.070.000	2.902.001.129

Người lập biểu

Ngô Thị Trang

Kế toán trưởng

Đinh Thị Thủy

Lập, ngày 12 tháng 8 năm 2019

Tổng Giám đốc



Kim Ngọc Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các Công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần CMVIETNAM (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ và xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Xây dựng và cung ứng nhân lực.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 05 Công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong kỳ, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Các công ty con trực tiếp

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	Thương mại	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường	Thôn 11, xã Nhân Cơ, huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông	Xây lắp	68,44%	68,44%	68,44%	68,44%
Công ty Cổ phần CM Nha Trang	Số 33A Tô Hiến Thành, phường Tân Lập, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Dịch vụ	59,63%	66,26%	59,63%	66,26%

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các công ty con gián tiếp

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH CM Xây dựng (*)	Số 14, Phố Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Xây lắp và Thương mại	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần CM Thành Đông (*)	Phố Cộng Hòa, thị trấn Kinh Môn, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.	Xây lắp và Thương mại	79,69%	79,69%	69,67%	69,67%

(*) Công ty TNHH CM Xây dựng và Công ty Cổ phần CM Thành Đông là Công ty con của Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại, theo đó các công ty này là công ty con gián tiếp của Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam.

5c. Tình hình hoạt động của các Công ty con trong kỳ

Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại, Công ty TNHH CM Xây dựng và Công ty Cổ phần CM Thành Đông hiện đã dừng hoạt động.

5d. Danh sách các Công ty liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tập đoàn chỉ đầu tư vào công ty liên kết là Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Hạ tầng Vietin có trụ sở chính tại 32 Thạch Thị Thanh, Phường Tân Định, Quận 1, TP Hồ Chí Minh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ, hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Tập đoàn tại công ty liên kết này là 23,32%.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, có 488 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 326 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ bình quân của các Ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ bình quân của các Ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ của từng công trình được xác định như sau:

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ = Chi phí SXKD dở dang đầu kỳ + Chi phí SXKD phát sinh trong kỳ - Giá vốn kết chuyển trong kỳ.

Trong đó:

$$\text{Giá vốn kết chuyển trong kỳ} = \frac{\text{Chi phí SXKD dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí SXKD phát sinh trong kỳ}}{\text{Giá trị sản lượng dở dang đầu kỳ} + \text{Giá trị sản lượng thực hiện trong kỳ}} \times \text{Doanh thu trong kỳ}$$

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác được phân bổ vào chi phí theo thời gian hữu dụng của chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 40
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 - 5
Tài sản cố định khác	3

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Nhận diện thương hiệu

Nguyên giá của nhận diện thương hiệu bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Nhận diện thương hiệu được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong kỳ là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

14. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

15. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tập đoàn đã tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	374.720.697	275.335.428
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.528.654.860	78.567.283.642
Các khoản tương đương tiền (là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	10.155.694.443	
Cộng	<u>14.059.070.000</u>	<u>78.842.619.070</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên kết. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau đây đều có giá gốc bằng giá trị ghi sổ

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngắn hạn	<u>43.078.394.671</u>	<u>23.456.942.464</u>
Tiền gửi có kỳ hạn	43.078.394.671	23.456.942.464
Dài hạn	<u>9.902.851.544</u>	<u>11.780.851.544</u>
Tiền gửi có kỳ hạn	5.342.851.544	7.220.851.544
Trái phiếu (*)	4.560.000.000	4.560.000.000
Cộng	<u>52.981.246.215</u>	<u>35.237.794.008</u>

(*) Là 456 trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, mệnh giá 10.000.000 VND/trái phiếu, thời hạn 10 năm với lãi suất thả nổi được xác định bằng lãi suất tham chiếu+1,2%/năm. Trái

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

phiếu này cùng 01 hợp đồng tiền gửi có giá trị 5.500.000.000 VND đang được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Hạ tầng Viettin	13.200.000.000	13.200.000.000

Tập đoàn đã mua 1.320.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Hạ tầng Vietin (Vietin) với giá mua là 13.200.000.000 VND. Theo đó, từ ngày 20 tháng 12 năm 2017, Vietin chính thức trở thành Công ty liên kết của Tập đoàn. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn nắm giữ 1.320.000 cổ phiếu, tương đương 23,32% vốn điều lệ của Vietin.

Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty liên kết đang trong quá trình đầu tư, chưa phát sinh doanh thu.

Giao dịch với công ty liên kết

Trong kỳ, Tập đoàn không phát sinh giao dịch với công ty liên kết.

3. Phải thu ngắn hạn/dài hạn của khách hàng

3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>112.167.716.529</i>	<i>98.239.812.714</i>
Công ty SK Engineering and Construction	26.655.059.561	25.526.849.978
Duglas Alliance	9.169.011.395	728.936.859
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình NN&PTNT tỉnh Hà Tĩnh	3.208.594.000	
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn	3.663.232.919	6.102.012.461
Công ty TNHH MTV Nhôm Lâm Đồng - TKV	15.785.545.588	11.386.469.408
BQL Dự án Tổ Hợp Bauxít Nhôm Lâm Đồng	5.193.686.907	6.104.225.073
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển đô thị Việt Hoa ⁽ⁱ⁾	62.500.000	62.500.000
Công ty Cổ phần Anh Cao ⁽ⁱ⁾	55.850.000	55.850.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải Thạch	8.219.169.047	8.219.169.047
Công ty Cổ phần Thủy Điện Sông Bạc ⁽ⁱ⁾	13.927.265.023	13.927.265.023
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu hầm ⁽ⁱ⁾	2.267.704.120	2.267.704.120
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Hạ tầng ⁽ⁱ⁾	28.000.000	28.000.000
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Thủy điện ⁽ⁱ⁾	704.446.925	704.446.925
Các khách hàng khác	23.227.651.044	23.126.383.820
Cộng	<u>112.167.716.529</u>	<u>98.239.812.714</u>
Trong đó:		
⁽ⁱ⁾ Công nợ chưa được đối chiếu xác nhận	17.045.766.068	14.778.061.948

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3b. Phải thu dài hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>18.688.569.927</i>	<i>15.126.180.660</i>
Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 4	6.153.965.000	7.081.782.000
Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng ngành Nông nghiệp và PTNT Tỉnh Tây Ninh	2.148.267.400	
Hazama Ando Corporation	3.206.709.364	2.644.671.304
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	2.438.779.542	
Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 1	2.691.000.000	2.691.000.000
Các khách hàng khác	2.049.848.621	2.708.727.356
Cộng	<u>18.688.569.927</u>	<u>15.126.180.660</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	<i>39.727.430.041</i>	<i>19.760.060.116</i>
Công ty Cổ phần JIVC	8.780.000.000	
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển C & D	1.223.521.492	
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Lan Linh	9.771.776.281	
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Nông nghiệp Hà Nội	6.698.309.450	
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nông thôn 10	5.200.000.000	
Công ty TNHH Sản xuất và Xuất nhập khẩu Minh Đức		2.047.442.898
Công ty TNHH MTV Thiết bị PCCC & CNCH Khánh Hòa		2.368.800.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp 5	1.116.347.066	3.000.000.000
Công ty Xây dựng Công nghiệp mỏ - CN Tổng công ty Đông Bắc	1.000.000.000	1.000.000.000
Các nhà cung cấp khác	5.937.475.752	11.343.817.218
Cộng	<u>39.727.430.041</u>	<u>19.760.060.116</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	11.558.463.261		364.921.112	
Ông Dương Ngọc Trường - Ứng trước tiền lương	8.058.271		364.921.112	
Ông Nguyễn Ngọc Tú- Tạm ứng	11.268.295.058			
Ông Kim Ngọc Nhân - Ứng trước tiền lương	282.109.932			
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	59.304.124.253	(33.427.509.131)	89.522.239.262	(33.427.509.131)
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.739.513.407		1.029.794.492	
Tạm ứng	9.947.631.083		5.442.134.933	
Các khoản ký quỹ, ký cược	1.842.418.976		40.481.486.340	
Công ty TNHH Cavico Việt Nam ⁽ⁱ⁾	12.610.656.272	(8.827.459.390)	12.610.656.272	(8.827.459.390)
Công ty Cổ phần Cavico Việt Nam Khai thác mỏ và Xây dựng ⁽ⁱ⁾	5.700.000.000	(3.000.000.000)	5.700.000.000	(3.000.000.000)
Công ty Cổ phần Cavico Điện lực và Tài nguyên ⁽ⁱ⁾	21.540.049.741	(21.540.049.741)	21.540.049.741	(21.540.049.741)
Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng ngành Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Tỉnh Tây Ninh - tiền thi công công tác đền bù	2.500.000.000			
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	3.423.854.774	(60.000.000)	2.718.117.484	(60.000.000)
Cộng	70.862.587.514	(33.427.509.131)	89.887.160.374	(33.427.509.131)
Trong đó:				
⁽ⁱ⁾ Công nợ chưa được đối chiếu xác nhận	39.850.706.013		21.540.049.741	

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Nợ xấu

Toàn bộ các khoản nợ xấu đều là nợ phải thu của các tổ chức, cá nhân không phải bên liên quan phát sinh từ các năm trước.

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Cavico Điện lực và Tài nguyên	Trên 3 năm	21.540.049.741	(21.540.049.741)	Trên 3 năm	21.540.049.741	(21.540.049.741)
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hàm	Trên 3 năm	2.267.704.120	(2.267.704.120)	Trên 3 năm	2.267.704.120	(2.267.704.120)
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Thủy điện	Trên 3 năm	704.446.925	(704.446.925)	Trên 3 năm	704.446.925	(704.446.925)
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Bạc	Trên 3 năm	5.906.047.298	(5.906.047.298)	Trên 3 năm	5.906.047.298	(5.906.047.298)
Công ty Cổ phần Cavico Việt Nam Khai thác Mỏ và Xây dựng	Trên 3 năm	3.000.000.000	(3.000.000.000)	Trên 3 năm	3.000.000.000	(3.000.000.000)
Công ty TNHH Cavico Việt Nam	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	12.610.656.272	(8.827.459.390)	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	12.610.656.272	(8.827.459.390)
Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Thành Vương	Trên 3 năm	440.000.000	(440.000.000)	Trên 3 năm	440.000.000	(440.000.000)
Các khách hàng khác	Trên 3 năm	283.461.791	(278.905.896)	Trên 3 năm	283.461.791	(278.905.896)
Cộng		46.752.366.147	(42.964.613.370)		46.752.366.147	(42.964.613.370)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	42.964.613.370	37.770.667.927
Trích lập dự phòng bổ sung		1.771.814.189
Số cuối kỳ	42.964.613.370	39.542.482.116

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường			2.595.780.551	
Nguyên liệu, vật liệu	5.554.084.258		12.559.816.151	
Công cụ, dụng cụ	72.085.392		3.306.569.329	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	77.310.249.821		62.224.205.074	
Hàng hóa	138.593.846		138.593.846	
Cộng	83.075.013.317		80.824.964.951	

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

(*) Chi tiết theo các công trình, dự án:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự án Xenamnoy Gói 3	6.535.827.423	9.167.059.038
Dự án Xenamnoy Gói 9		3.081.296.064
Dự án Sông Bạc	21.361.631.990	21.361.631.990
Dự án Ghi Nê xích đạo		1.350.680.275
Dự án Khách sạn CM Nha Trang	12.400.372.721	3.492.744.672
Dự án Hồ bùn đỏ Lâm Đồng	5.975.477.645	5.975.477.645
Dự án Khoang số 3 Hồ bùn đỏ Lâm Đồng	7.111.868.747	7.111.868.747
Dự án Bình Định - Hồ núi 1	12.813.379.881	4.513.016.186
Các công trình, dự án khác	11.111.691.414	6.170.430.457
Cộng	<u>77.310.249.821</u>	<u>62.224.205.074</u>

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ dụng cụ	3.783.402.540	1.540.946.206
Chi phí xuất nhập cảnh lao động	489.816.094	275.115.750
Phí bảo lãnh	621.891.875	278.270.782
Chi phí sửa chữa	44.618.639	86.239.044
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	206.483.731	101.281.873
Cộng	<u>5.146.212.879</u>	<u>2.281.853.655</u>

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ dụng cụ	6.728.425.134	262.048.970
Phí bảo lãnh	812.696.025	811.273.167
Chi phí sửa chữa	416.815.089	
Chi phí trước hoạt động	974.044.951	
Các chi phí trả trước dài hạn khác	113.212.052	112.293.600
Cộng	<u>9.045.193.251</u>	<u>1.185.615.737</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	28.240.250.230	102.278.999.498	45.665.576.951	2.542.640.021	970.383.653	179.697.850.353
Mua trong kỳ		378.785.453	793.670.000			1.172.455.453
Đầu tư XDCB hoàn thành	112.391.011.245					112.391.011.245
Thanh lý, nhượng bán		(2.219.090.909)				(2.219.090.909)
Số cuối kỳ	140.631.261.475	100.438.694.042	46.459.246.951	2.542.640.021	970.383.653	291.042.226.142
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	6.282.981.818	45.215.989.104	36.908.370.072	740.280.788		89.147.621.782
Chờ thanh lý						
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	9.919.851.799	84.611.583.031	41.236.374.749	1.259.100.118	970.383.653	137.997.293.350
Khấu hao trong kỳ	1.435.013.541	4.332.796.212	719.711.892	218.457.378		6.705.979.023
Thanh lý, nhượng bán		(2.082.272.733)				(2.082.272.733)
Số cuối kỳ	11.354.865.340	86.862.106.510	41.956.086.641	1.477.557.496	970.383.653	142.620.999.640
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	18.320.398.431	17.667.416.467	4.429.202.202	1.283.539.903		41.700.557.003
Số cuối kỳ	129.276.396.135	13.576.587.532	4.503.160.310	1.065.082.525		148.421.226.502
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng						
Đang chờ thanh lý						

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo số sách là 18.131.175.629 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Nhãn hiệu, tên thương mại</u>	<u>Chương trình phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá				
Số đầu năm	80.073.506.444	209.455.000	38.000.000	80.320.961.444
Mua trong kỳ	296.200.000			296.200.000
Số cuối kỳ	80.369.706.444	209.455.000	38.000.000	80.617.161.444
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng			38.000.000	38.000.000
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm		97.745.650	38.000.000	135.745.650
Khấu hao trong kỳ		10.472.748		10.472.748
Số cuối kỳ		108.218.398	38.000.000	146.218.398
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	80.073.506.444	111.709.350		80.185.215.794
Số cuối kỳ	80.369.706.444	101.236.602		80.470.943.046
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời không sử dụng				
Đang chờ thanh lý				

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là chi phí xây dựng công trình khách sạn Lomore tại Công ty Cổ phần CM Nha trang (Công ty con), chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

Số đầu năm	83.931.259.237
Chi phí phát sinh trong kỳ	28.699.677.313
Kết chuyển vào tài sản cố định trong kỳ	(112.630.936.550)
Số cuối kỳ	

Chi phí lãi vay vốn hóa của công trình khách sạn là 1.935.250.023 VND.

12. Lợi thế thương mại

Là khoản phát sinh khi mua Công ty con - Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường.

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	4.673.279.243	5.296.383.142
Số phát sinh		
Số phân bổ vào chi phí trong kỳ	(311.551.950)	(311.551.950)
Số cuối kỳ	4.361.727.294	4.984.831.192

13. Phải trả người bán ngắn hạn/dài hạn**13a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các nhà cung cấp khác	51.517.794.536	54.393.658.889
Công ty TNHH Kinh doanh Tổng hợp Huy Hùng ⁽ⁱ⁾	6.038.825.952	6.038.825.952
Công ty Cổ phần Thịnh Cường ⁽ⁱ⁾	437.048.237	437.048.237
Công ty TNHH Hưng Quang	196.554.158	7.972.438.482

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Đầu tư TK	4.202.902.631	
Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ Thiên Sơn	1.639.306.810	159.697.360
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Đoàn Bảo An	1.963.239.159	610.084.808
Công ty Cổ phần Công nghiệp Xây dựng Toàn phát	1.120.314.660	1.120.314.660
Công ty Cổ phần HASKY	1.005.758.502	
Công ty Cổ phần Điện lạnh và Xây lắp Việt Nam	3.712.801.419	3.761.399.255
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển C & D	2.975.228.000	
Công ty Cổ phần Xây dựng Bản Việt	1.321.590.557	1.321.590.557
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Dự án Sơn Hà	1.106.976.310	1.206.976.310
Công ty Cổ phần Xây dựng Top Dec	2.548.126.995	2.559.104.355
Các nhà cung cấp khác	23.249.121.146	29.206.178.913
Cộng	<u>51.517.794.536</u>	<u>54.393.658.889</u>
Trong đó:		
⁽ⁱ⁾ Công nợ chưa được đối chiếu xác nhận	6.475.874.189	6.038.825.952

13b. Phải trả người bán dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>9.941.726.618</i>	<i>6.366.688.134</i>
Công ty Cổ phần Sông Đà 505	2.582.946.757	2.979.182.278
Công ty TNHH Hòa Hiệp	1.588.606.000	2.401.825.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp 5	1.195.517.200	
Các nhà cung cấp khác	4.574.656.661	985.680.856
Cộng	<u>9.941.726.618</u>	<u>6.366.688.134</u>

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>154.326.047.237</i>	<i>176.488.587.140</i>
Ban quản lý Dự án Đầu tư xây dựng công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hà Tĩnh	56.400.000.000	56.513.137.000
Ban quản lý Dự án Đầu tư xây dựng ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tây Ninh	22.900.000.000	35.000.000.000
Ban quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy Lợi 8	59.866.118.000	64.175.118.000
Hazama Ando Corporation	10.181.326.730	12.140.854.140
Duglas Alliance	3.820.836.457	4.378.000.000
Ban quản lý Dự án Quản lý thiên tai (WB5) tỉnh Bình Định		4.263.478.000
Các khách hàng khác	1.157.766.050	18.000.000
Cộng	<u>154.326.047.237</u>	<u>176.488.587.140</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.839.465.303	106.184.019	76.527.998	(1.915.993.301)		106.184.019
Thuế xuất, nhập khẩu			35.884.746	(35.884.746)		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.411.713.319		1.580.826.358	(2.242.479.887)	3.750.059.790	
Thuế thu nhập cá nhân	79.405.911		1.627.679.171	(367.325.008)	1.339.760.074	
Các loại thuế khác			30.000.919	(6.000.000)	24.000.919	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	160.579.708		1.166.579.462	(305.375.000)	1.021.784.170	
Cộng	6.491.164.241	106.184.019	4.517.498.654	(4.873.057.942)	6.135.604.953	106.184.019

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu là 0%, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>18.157.357.429</i>	<i>5.231.897.999</i>
Chi phí lãi vay phải trả	14.278.421	43.076.493
Trích trước chi phí công trình	14.675.108.947	2.712.329.736
Trích trước phí bảo vệ môi trường phải nộp	2.375.906.000	2.375.906.000
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.092.064.061	100.585.770
Cộng	18.157.357.429	5.231.897.999

17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Doanh thu nhận trước về cho thuê lán trại, văn phòng tại Dự án Ngàn Trươi	47.021.950	56.426.328
Doanh thu nhận trước vé máy bay Dự án Senji	3.727.589.519	1.981.238.037
Phí quản lý hợp đồng số 01/2019/HĐTC/CMV-Nông thôn 10 nhận trước	950.909.091	
Cộng	4.725.520.560	2.037.664.365

18. Phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>4.242.203.294</i>	<i>3.887.168.535</i>
Kinh phí công đoàn	204.079.970	19.813.776
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	765.106.548	291.496.616
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.295.561.776	1.227.680.004
Cổ tức phải trả	1.396.380.000	1.262.480.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	581.075.000	1.085.698.139
Cộng	4.242.203.294	3.887.168.535

19. Vay ngắn/dài hạn**19a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	<i>11.825.940.000</i>	
Bà Đinh Thị Thủy	5.500.000.000	
Ông Nguyễn Ngọc Tú	6.325.940.000	
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<i>2.959.520.446</i>	<i>11.012.797.676</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt - PGD Mỹ Đình ⁽ⁱ⁾		6.013.666.828
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Sở giao dịch 1 ⁽ⁱⁱ⁾	2.959.520.446	4.999.130.848
<i>Vay ngắn hạn các cá nhân</i>	<i>14.624.721.000</i>	<i>3.394.721.000</i>
Ông Phạm Văn Tùng	8.618.721.000	3.388.721.000
Bà Ngô Thị Trang	6.006.000.000	6.000.000
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)</i>	<i>1.902.000.000</i>	<i>2.065.333.333</i>
Cộng	31.312.181.446	16.472.852.009

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt để thanh toán các khoản lương phải trả cán bộ công nhân viên, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày ký khế ước nhận nợ. Các khoản vay này được đảm bảo quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng kinh tế đang thế chấp.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội để thanh toán các khoản công nợ phải trả nhà cung cấp và các khoản lương cho cán bộ công nhân viên, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày ký khế ước nhận nợ cho từng khoản vay. Các khoản vay này được đảm bảo quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng kinh tế đang thế chấp.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay bên liên quan		11.825.940.000			11.825.940.000
Vay ngân hàng	11.012.797.676	8.441.888.348		(16.495.165.578)	2.959.520.446
Vay các cá nhân	3.394.721.000	17.230.000.000		(6.000.000.000)	14.624.721.000
Vay dài hạn đến hạn trả	2.065.333.333		950.988.667	(1.114.322.000)	1.902.000.000
Cộng	16.472.852.009	37.497.828.348	950.988.667	(23.609.487.578)	31.312.181.446

19b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - PGD Mỹ Đình ⁽ⁱ⁾	353.500.000	860.488.667
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An ⁽ⁱⁱ⁾	94.120.481.036	93.963.217.064
Cộng	94.473.981.036	94.823.705.731

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt để thanh toán các khoản công nợ phải trả nhà cung cấp với lãi suất cố định năm đầu theo từng khế ước từ 7,69% - 8%, thả nổi trong các năm tiếp theo. Thời hạn của khoản vay 02 đến 03 năm theo từng khế ước kể từ ngày ký khế ước nhận nợ. Các khoản vay này được đảm bảo quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng kinh tế đang thế chấp.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam bao gồm:
- * Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam để thanh toán các khoản công nợ phải trả nhà cung cấp với lãi suất cố định năm đầu 9%, thả nổi trong các năm tiếp theo. Thời hạn của khoản vay là 03 năm kể từ ngày ký khế ước nhận nợ cho từng khoản vay. Các khoản vay được đảm bảo quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng kinh tế đang thế chấp.

* Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 21/2018 – HĐCVĐADT/NHCT320 – CM NHATRANG ngày 16 tháng 4 năm 2018 để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án đầu tư khách sạn CM Nha Trang tại số 33A Tô Hiến Thành, phường Tân Lập, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, với lãi suất thả nổi, thời hạn vay 14 năm kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn đến 31/03/2019. Khoản vay này được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, các trang thiết bị khác, các quyền tài sản khác thuộc Dự án đầu tư khách sạn CM Nha Trang.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	1.902.000.000	2.065.333.333
Trên 1 năm đến 5 năm	1.198.763.972	1.548.488.667
Trên 5 năm	93.275.217.064	93.275.217.064
Cộng	<u>96.375.981.036</u>	<u>96.889.039.064</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u>
Số đầu năm	94.823.705.731
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	7.951.263.972
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(950.988.667)
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(7.350.000.000)
Số cuối kỳ	<u>94.473.981.036</u>

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	3.198.345.315		(172.040.900)	3.026.304.415
Quỹ phúc lợi	1.764.585.364			1.764.585.364
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	265.215.924			265.215.924
Cộng	<u>5.228.146.603</u>		<u>(172.040.900)</u>	<u>5.056.105.703</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**21. Vốn chủ sở hữu****21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	172.000.000.000	(211.950.000)	5.195.161.084	14.214.735.033	42.316.848.415	233.514.794.532
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền					10.000.000.000	10.000.000.000
Lợi nhuận trong kỳ trước				182.443.226	(1.133.403.394)	(950.960.168)
Trích lập các quỹ			391.586.894	(391.586.894)		
Tăng giảm khác				83.707.450	(83.707.450)	
Số dư cuối kỳ trước	172.000.000.000	(211.950.000)	5.586.747.978	14.089.298.815	51.099.737.571	242.563.834.364
Số dư đầu năm nay	172.000.000.000	(211.950.000)	5.586.747.977	13.713.155.593	51.643.831.016	242.731.784.586
Lợi nhuận trong kỳ				4.359.424.691	(505.444.236)	3.853.980.455
Trích lập các quỹ			12.896.100	(12.896.100)		
Tăng, giảm khác				67.434.090	(67.434.090)	
Chia cổ tức, lợi nhuận				(8.600.000.000)		(8.600.000.000)
Số dư cuối kỳ này	172.000.000.000	(211.950.000)	5.599.644.077	9.527.118.274	51.070.952.690	237.985.765.041

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

21b. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.200.000	17.200.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	17.200.000	17.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	17.200.000	17.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.200.000	17.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	17.200.000	17.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21c. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty mẹ đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 số 01/2019/NQ/ĐHĐCĐ/CMVN ngày 26 tháng 4 năm 2019 như sau:

	VND
Trích quỹ đầu tư phát triển	: 12.896.100
Chia cổ tức	: 8.600.000.000

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ

Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	39.106,11	751,84
Euro (EUR)	562,85	34.161,67
Kíp Lào (LAK)	1.159.516,80	9.277.557,80
Baht Thái Lan (THB)	14.404,68	16.626,55

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu khai thác quặng bauxit	25.855.928.494	7.335.239.217
Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.068.061.184	1.572.290.806
Doanh thu hợp đồng xây dựng	117.950.410.207	134.957.673.906
Doanh thu khác	3.921.607.252	214.090.909
Cộng	<u>158.796.007.137</u>	<u>144.079.294.838</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết. Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết như sau:

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu cho thuê nhà		
Ông Phạm Minh Phúc – Chủ tịch HĐQT	81.818.182	68.181.820
Ông Kim Ngọc Nhân – Phó Chủ tịch HĐQT	81.818.182	68.181.820
Ông Dương Ngọc Trường – Phó Tổng Giám đốc	40.909.090	34.090.910

2. Giá vốn hàng bán

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn khai thác quặng bauxit	23.094.257.354	6.971.450.060
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.327.469.599	318.609.008
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	108.706.022.820	118.953.316.189
Giá vốn khác	3.730.268.015	112.231.324
Cộng	139.858.017.788	126.355.606.581

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.244.636.216	649.639.469
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	386.260.628	482.393.040
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	273.626.805	64.340.276
Cộng	2.904.523.649	1.196.372.785

4. Chi phí tài chính

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	2.863.317.674	2.187.226.627
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	382.895.675	748.061.472
Cộng	3.246.213.349	2.935.288.099

5. Chi phí bán hàng

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	1.666.756.059	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.900.000	
Các chi phí khác	26.862.125	
Cộng	1.701.518.184	

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	5.347.866.288	4.005.919.395
Chi phí vật liệu quản lý	26.000.000	
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.620.723.413	115.856.012
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.813.718.633	1.706.256.786
Thuế, phí và lệ phí	168.429.624	339.550.952
Dự phòng nợ phải thu khó đòi		1.771.814.189
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.255.431.011	1.652.472.800
Các chi phí khác	544.581.069	639.199.384
Cộng	11.776.750.038	10.231.069.518

7. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.640.783.976	
Thu thanh lý vật tư, thiết bị	4.868.523.847	66.671.461
Thu khác	713.543.713	136.128.164
Cộng	7.222.851.536	202.799.625

8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		3.996.828.381
Chi phí bán vật tư	5.345.729.595	
Phạt chậm nộp bảo hiểm và thuế	54.397.918	
Thuế bị phạt, bị truy thu	1.146.715.427	170.678.734
Chi phí khác	185.842.947	196.921.738
Cộng	6.732.685.887	4.364.428.853

9. Lãi trên cổ phiếu**9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	4.359.424.691	182.443.226
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	4.359.424.691	182.443.226
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	17.200.000	17.200.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	253	11

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	36.973.057.494	57.887.691.666
Chi phí nhân công	27.148.815.890	31.162.539.274
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.731.270.375	10.478.500.253
Chi phí dịch vụ mua ngoài	101.746.130.354	47.363.606.878
Chi phí khác	19.161.276.050	13.557.733.228
Cộng	191.760.550.163	160.450.072.299

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Các thành viên Hội đồng quản trị		
Phụ cấp chi trả cho HĐQT	45.000.000	36.000.000
Các thành viên Ban Tổng giám đốc		
Vay Ông Nguyễn Ngọc Tú	9.100.000.000	
Tạm ứng Ông Nguyễn Ngọc Tú	15.630.500.000	
Tạm ứng Ông Dương Ngọc Trường	67.512.000	
Vay Bà Đinh Thị Thủy	5.500.000.000	

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.5a.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Phụ cấp Hội đồng quản trị	18.000.000	24.000.000
Lương	1.478.006.515	830.700.000
Cộng	1.496.006.515	854.700.000

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Bên liên quan khác với Tập đoàn chỉ có Công ty Cổ phần Đầu tư và Hạ tầng Vietin là công ty liên kết.

Tập đoàn không phát sinh giao dịch và không có công nợ với bên liên quan khác.

2. **Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

2a. *Thông tin về khu vực địa lý*

Hoạt động của Tập đoàn được phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực nước ngoài.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản của Tập đoàn như sau:

	Khu vực trong nước	Khu vực nước ngoài	Cộng
Kỳ này			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	101.982.872.941	56.813.134.196	158.796.007.137
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	101.982.872.941	56.813.134.196	158.796.007.137
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	13.909.896.533	5.028.092.816	18.937.989.349
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(13.478.268.222)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			5.459.721.127
Doanh thu hoạt động tài chính			2.904.523.649
Chi phí tài chính			(3.246.213.349)
Thu nhập khác			7.222.851.536
Chi phí khác			(6.732.685.887)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(1.580.826.358)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			(173.390.264)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			3.853.980.455

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Khu vực trong nước	Khu vực nước ngoài	Cộng
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>			30.168.332.766
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>			6.716.451.771
Kỳ trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	39.668.770.058	104.410.524.780	144.079.294.838
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
<i>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	39.668.770.058	104.410.524.780	144.079.294.838
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	5.997.951.233	11.725.737.024	17.723.688.257
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(10.231.069.518)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			7.492.618.739
Doanh thu hoạt động tài chính			1.196.372.785
Chi phí tài chính			(2.935.288.099)
Thu nhập khác			202.799.625
Chi phí khác			(4.364.428.853)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(1.276.496.310)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			(1.266.538.055)
<i>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</i>			(950.960.168)
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>	3.430.893.713	1.056.545.455	4.487.439.168
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	7.316.291.619	3.921.666.022	11.237.957.641
Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản của Tập đoàn như sau:			
	Khu vực trong nước	Khu vực nước ngoài	Cộng
Số cuối kỳ			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	284.552.860.324	117.527.095.992	402.079.956.316
Tài sản phân bổ cho bộ phận	60.794.591.138	33.867.758.038	94.662.349.176
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			132.548.911.734
<i>Tổng tài sản</i>			629.291.217.226
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	133.203.485.228	25.848.082.569	159.051.567.797
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	138.081.244.364	76.922.997.360	215.004.241.724
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			17.249.642.664
<i>Tổng nợ phải trả</i>			391.305.452.185
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	180.540.545.313	75.111.030.131	255.651.575.444

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Khu vực trong nước	Khu vực nước ngoài	Cộng
Tài sản phân bổ cho bộ phận	27.945.431.776	55.707.253.410	83.652.685.186
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			281.854.606.703
Tổng tài sản			621.158.867.333
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	166.569.094.338	11.975.965.953	178.545.060.291
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	61.026.396.096	121.651.829.871	182.678.225.967
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			17.203.796.489
Tổng nợ phải trả			378.427.082.747

2b. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực xây lắp: Xây dựng, lắp đặt công trình.
- Lĩnh vực khác: Khai thác và bán quặng bauxit.
- Các lĩnh vực khác: Cung cấp dịch vụ xuất khẩu lao động, cho thuê văn phòng và cho thuê thiết bị thi công.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lĩnh vực xây lắp	117.950.410.207	134.957.673.906
Lĩnh vực Khai thác quặng bauxit	25.855.928.494	7.335.239.217
Lĩnh vực khác	14.989.668.436	1.786.381.715
Cộng	158.796.007.137	144.079.294.838

3. Số liệu so sánh

Các sai sót

Công ty đã thực hiện điều chỉnh một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định xử lý vi phạm pháp luật về thuế của Tổng cục thuế Thành phố Hà Nội ngày 22 tháng 5 năm 2019.

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán					
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	2.745.075.543	3.746.088.698	6.491.164.241	(i)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	17.459.244.291	(3.746.088.698)	13.713.155.593	(ii)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh					
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	824.874.312	451.621.998	1.276.496.310	(iii)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(499.338.170)	(451.621.998)	(950.960.168)	(iv)

CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

(i) Tăng do truy thu thuế qua các năm bao gồm:

Truy thu năm 2017

3.294.466.700

Truy thu năm 2018

451.621.998

Cộng

3.746.088.698

(ii) Giảm lợi nhuận sau thuế do điều chỉnh tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

(iii) Giảm do điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2018.

(iv) Giảm do điều chỉnh tăng thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2018.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2019

Người lập biểu

Ngô Thị Trang

Kế toán trưởng

Đinh Thị Thủy

Tổng Giám đốc



Kim Ngọc Nhân

